

TỜ TRÌNH

Về việc quy định thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Để triển khai Luật phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành, ngày 20/9/2016, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 5147/QĐ-UBND về việc thành lập Bộ phận thường trực triển khai Luật phí và lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội (BPTT).

Căn cứ quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính về các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố tại Danh mục ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành; Căn cứ kết quả rà soát thực tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội và đánh giá, xây dựng đề án mức thu của các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường; Kết quả thẩm định Đề án thu phí, lệ phí của Bộ phận thường trực; Kết luận của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 764-TB/TU ngày 15/6/2017; Căn cứ thực tế trên địa bàn thành phố Hà Nội, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố về việc ban hành một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố, nội dung cụ thể như sau:

PHẦN MỘT:

CĂN CỨ PHÁP LÝ, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG MỨC THU

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Khái niệm phí, lệ phí:

Tại Điều 3 Luật phí và lệ phí năm 2015 quy định:

“1. Phí là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân phải trả nhằm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công được quy định trong Danh mục phí ban hành kèm theo Luật này.

2. Lệ phí là khoản tiền được ấn định mà tổ chức, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được quy định trong Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật này.”

Như vậy, theo quy định của Luật phí và lệ phí, chỉ có các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định. Đối với các dịch vụ không do Nhà nước đầu tư và có khả năng xã hội hóa cho các tổ chức, cá nhân đảm nhận cung cấp dịch vụ đã được thực hiện chuyển sang cơ chế giá dịch vụ.

3. Mục tiêu của việc xây dựng các quy định thu phí, lệ phí:

- Đối với kinh tế, xã hội: Cần rà soát, đánh giá các khoản phí, lệ phí đang thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố phù hợp với Danh mục các khoản phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí; phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn thành phố và xu hướng phát triển, góp phần cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh xã hội hóa, tạo điều kiện cho các quan hệ kinh tế - xã hội được phát triển một cách thuận lợi, tạo động lực cho kinh tế - xã hội phát triển.

- Đối với người nộp phí, lệ phí (các tổ chức, cá nhân): Cần xây dựng mức thu đảm bảo hài hòa giữa việc bù đắp chi phí, phục vụ công tác quản lý nhà nước với khả năng đóng góp của người nộp phí, lệ phí. Mức thu, các quy định thu cần đảm bảo ổn định, tạo thuận lợi cho người nộp, trường hợp thay đổi cần theo lộ trình, tránh xáo động, ảnh hưởng tiêu cực đến các tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí.

- Đối với tổ chức thu phí, lệ phí: Quy định rõ ràng cơ chế quản lý, sử dụng đối với phí, lệ phí đảm bảo tính công khai, minh bạch, từ đó thúc đẩy cơ chế tự chủ của các cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị; từng bước nâng cao chất lượng của các dịch vụ công, hành chính nhà nước.

- Đối với thu Ngân sách nhà nước: Việc xây dựng các mức thu phí từng bước đảm bảo bù đắp các chi phí phục vụ công tác thu, giảm chi từ ngân sách cho thực hiện công việc thu phí. Đối với các khoản lệ phí: Nộp 100% vào ngân sách nhà nước, chi phí cho công tác thu được Ngân sách cấp theo Dự toán được duyệt hàng năm.

- Đối với cải cách thủ tục hành chính: Các Sở, ngành quản lý tiếp tục thực hiện rà soát các khoản phí, lệ phí theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính,

phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung, đề xuất UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố theo quy định.

4. Các nguyên tắc xây dựng:

4.1. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng bao gồm:

- Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

4.2. Xác định mức thu:

- Khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh như sau: *"1. Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền."*

Như vậy, đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp tỉnh có quyền quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng theo quy định.

- Điều 8, Điều 9 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định về nguyên tắc xác định mức thu phí và lệ phí như sau: *"Điều 8. Nguyên tắc xác định mức thu phí"*

Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân."

Điều 9. Nguyên tắc xác định mức thu lệ phí

Mức thu lệ phí được ấn định trước, không nhằm mục đích bù đắp chi phí; mức thu lệ phí trước bạ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân."

Qua rà soát, đánh giá tình hình thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ gia đình, cá nhân, nhóm cá nhân các năm qua, đảm bảo thực hiện đúng các quy định tại Luật, Nghị định, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng các Đề án thu phí, lệ phí. UBND Thành phố tổng hợp và đề xuất xây dựng mức thu trình HĐND Thành phố đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Bảo đảm nguyên tắc xác định mức thu phí, lệ phí quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Tham khảo mức thu phí, lệ phí hiện hành. Mức thu đề xuất mới phải mang tính ổn định, góp phần an sinh xã hội và không ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan đơn vị.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4.3. Quản lý sử dụng phí, lệ phí:

a. Đối với phí:

Tại Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định:

“Điều 4. Nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

1. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện phải nộp vào ngân sách nhà nước, trường hợp cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí thì được khấu trừ theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

Cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động bao gồm:

a) Cơ quan thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng biên chế và sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

b) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Cơ quan công an, quốc phòng được giao cung cấp dịch vụ, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí theo quy định của Luật phí và lệ phí.

2. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước, trừ trường hợp Chính phủ có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Chính phủ. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.”

b. Đối với lệ phí:

Điều 13 Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định:

“Điều 13. Thu, nộp lệ phí

1. Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật”.

PHẦN HAI:
ĐỀ XUẤT MỨC THU PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN VÀ LỆ PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

1. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản:

1.1. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

1.2. Mức thu phí:

Số TT	Loại khoáng sản	Mức thu hiện hành trước khi ban hành mức thu mới		Mức thu phí đề xuất			
		Đơn vị tính	Mức thu theo QĐ số 64/2014/QĐ-UBND	Đơn vị tính	Mức thu theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP		Mức thu đề xuất trên địa bàn Hà Nội
					Mức thu tối thiểu	Mức thu tối đa	
1	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	đồng/tấn	3.000	đồng/m ³	1.000	5.000	5.000
2	Các loại đá khác (Đá vôi, đá sét làm xi măng, Pozolan)	đồng/tấn	3.000	đồng/tấn	1.000	3.000	3.000
3	Cát san lấp, cát xây dựng	đồng/m ³	4.000	đồng/m ³	2.000	4.000	4.000
4	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	đồng/m ³	2.000	đồng/m ³	1.000	2.000	2.000
5	Đất sét, đất làm gạch, ngói	đồng/m ³	2.000	đồng/m ³	1.500	2.000	2.000
6	Cao lanh	đồng/m ³	7.000	đồng/m ³	5.000	7.000	7.000
7	Nước khoáng thiên nhiên	đồng/m ³	3.000	đồng/m ³	2.000	3.000	3.000
8	Than bùn	đồng/tấn	6.000	đồng/tấn	6.000	10.000	10.000

Đối với trường hợp khoáng sản không có trong danh mục nêu trên thì áp dụng mức thu tối đa theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ.

*** Căn cứ đề xuất mức thu:**

Thực tế nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội không dồi dào, do đó việc khai thác các loại khoáng sản trên địa bàn có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, khoáng sản là một yêu cầu khách quan tất yếu. Đồng thời cần

thiết phải có quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản để Ngân sách thành phố có nguồn kinh phí phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu cũng như khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường và giữ gìn vệ sinh, bảo vệ, tái tạo cảnh quan môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản. Do đó UBND Thành phố đề nghị mức thu phí trên địa bàn Hà Nội tối đa theo khung của Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ.

*** Đánh giá tác động:**

Mức phí mới đề xuất về cơ bản không thay đổi so với mức phí hiện hành quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 về việc thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Hà Nội, ngoại trừ 02 loại khoáng sản có thay đổi mức thu phí nhưng số phí chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong giá thành khai thác nên việc điều chỉnh mức thu phí ảnh hưởng không đáng kể đến hoạt động kinh doanh, chi phí và lợi nhuận của tổ chức được cấp phép khai thác khoáng sản:

- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác than bùn tăng từ 6.000đ/tấn lên 10.000đ/tấn.

- Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường thay đổi đơn vị tính. Tại Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND (3.000đ/tấn - tương đương 4.800đ/1m³ (theo định mức 1784/BXD-VP, 1m³ đá nổ mìn bằng 1,6 tấn)), tại Nghị định 164/2016/NĐ-CP đơn vị tính là đồng/m³. Mức thu đề xuất là 5.000đ/m³.

1.3. Triển khai thực hiện ngay sau khi Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí của HĐND Thành phố có hiệu lực thi hành:

- Thực hiện đăng tải Nghị quyết Hội đồng nhân dân quy định mức thu phí trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố để các Sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo qui định.

- Cục Thuế hướng dẫn việc kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường tháng 7/2017 đối với các đơn vị được cấp phép khai thác khoáng sản (trường hợp có thay đổi mức thu phí) trên cơ sở danh sách do Sở Tài nguyên & Môi trường cung cấp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cục Thuế hướng dẫn thực hiện kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với các đơn vị đã được cấp phép và các đơn vị mới được cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố từ tháng 8/2017.

2. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

2.1. Đối tượng nộp lệ phí: Các cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình khi được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh phải nộp lệ phí đăng ký kinh doanh.

2.2. Mức thu lệ phí:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Mức thu theo TT 176/2012/TT-BTC	Đề xuất Mức thu
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	đồng /1 lần cấp	100.000	100.000
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	đồng /1 lần cấp	100.000	100.000
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	đồng /1 lần cấp	100.000	100.000

* Căn cứ đề xuất mức thu:

- Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư thì theo quy định tại Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì thủ tục đăng ký kinh doanh lần đầu, thay đổi hoặc cấp lại Giấy chứng nhận đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình đều thực hiện theo trình tự như nhau (chỉ khác nhau về các tài liệu phải nộp trong hồ sơ), cụ thể:

(1) Cá nhân, nhóm cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình gửi hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh.

(2) Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ và đã nộp đủ lệ phí đăng ký theo quy định, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hộ kinh doanh.

- Trên cơ sở công văn số 22181/CT-THNVDT của Bộ phận thường trực, Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư, Cục Thuế rà soát công tác thu, chi từ nguồn lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn một số quận, huyện và báo cáo Bộ phận thường trực tại công văn số 2645/STC-QLG nguồn thu từ lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được sử dụng đúng, đủ, phục vụ công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

* Đánh giá tác động:

Mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đề xuất không thay đổi so với mức thu lệ phí đăng ký kinh doanh từ 2016 trở về trước, thực tế cho thấy mức thu lệ phí đang thực hiện trong những năm vừa qua đã và đang nhận được sự đồng thuận của các cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình.

2.3. Triển khai thực hiện ngay sau khi Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí của HĐND Thành phố có hiệu lực thi hành:

- Thực hiện đăng tải Nghị quyết Hội đồng nhân dân quy định mức thu lệ phí trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố để các Sở, ban, ngành và các cá nhân trên địa bàn thành phố nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện theo qui định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn UBND các quận, huyện, thị xã thực hiện Nghị quyết.

2.4. Đơn vị thu lệ phí:

Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.5. Chứng từ thu lệ phí:

Sử dụng biên lai thu lệ phí do Cơ quan thuế phát hành hoặc đặt in, tự in theo qui định tại Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 ngày 11 tháng 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

PHẦN BA:

NGUYÊN TẮC CHUNG, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ; XỬ LÝ VI PHẠM VỀ PHÍ, LỆ PHÍ

1. Đơn vị thu phí, lệ phí có trách nhiệm:

1.1. Niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí, lệ phí về tên phí, lệ phí; mức thu phí, lệ phí; phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền phí, lệ phí phải cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho đối tượng nộp phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 ngày 11 tháng 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.2. Tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp mở tại Kho bạc Nhà nước chậm nhất là ngày 05 tháng sau. Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước; Thực hiện kê khai, quyết toán, nộp phí, lệ phí vào ngân sách theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

1.3. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu phí được thực hiện theo hướng dẫn tại Luật phí, lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

2. Đối với các loại phí, lệ phí do người nộp trực tiếp kê khai nộp ngân sách: Người nộp phí, lệ phí thực hiện kê khai, nộp phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

3. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực phí, lệ phí:

Thực hiện Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn; Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn; Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 về việc hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và quyết định. / Uwe

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thành Ủy (để b/c);
- Các PCT UBND TP;
- Cục Thuế TP Hà Nội;
- Các Sở: TC, TP;
- Kho bạc Nhà nước Hà Nội;
- VPUB: CVP, PCVP^{Dũng}, TH, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KT^{Giang}.

23743.



Nguyễn Đức Chung